**21. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG TỪ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG KHÁC CHUYỂN ĐẾN**

**21.1. Trình tự, cách thức, thời gian thực hiện:**

| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Tòa nhà Bưu điện Tỉnh số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Mặt tiền đường Lý Thường Kiệt).  Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó. | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.  - Thứ bảy từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút. |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp kiểm tra thành phần hồ sơ:  + Nếu hồ sơ nộp chưa đầy đủ thì hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện lại.  + Nếu hồ sơ đã nộp đầy đủ thì viết Giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng (Giấy hẹn kiểm tra theo mẫu số 5 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải) và Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phận chuyên môn xử lý. | Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.  Chuyển hồ sơ đầy đủ đến bộ phận chuyên môn trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 16 giờ hàng ngày. |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | Bộ phận chuyên môn kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ |  |
| + Nếu hồ sơ không đạt thì có văn bản trả lời chủ sở hữu xe máy chuyên dùng biết lý do không đạt. | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký có văn bản gửi chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| + Nếu hồ sơ đạt thì làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số cho Chủ sở hữu và chuyển về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp trả. | Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký**,** trong đó: |
| - Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp | 0,5 ngày |
| - Giải quyết hồ sơ, trong đó: | 07 ngày |
| + Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái. | 06 ngày |
| + Lãnh đạo phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái. | 0,5 ngày |
| + Lãnh đạo Sở phụ trách lĩnh vực vận tải, phương tiện và người lái. | 0,5 ngày |
| - Chuyển bộ trả kết quả đến Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp | 0,5 ngày |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Chủ sở hữu đến nhận kết quả và hoàn trả Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp hoặc liên hệ Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp nhận kết quả và hoàn trả Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả qua đường bưu điện hoặc hình thực phù hợp khác. | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.  - Thứ bảy từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút. |

**21.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (bản chính);

- Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**21.3. Cơ quan thực hiện:**

Sở Giao thông vận tải Đồng Tháp.

**21.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

- Tổ chức, cá nhân.

**21.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận đăng ký và biển số xe máy chuyên dùng.

**21.6. Lệ phí:**

- 200.000 đồng/Giấy chứng nhận đăng ký và biến số xe máy chuyên dùng.

- 50.000 đồng lần/phương tiện đóng lại số khung, số máy.

**21.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (bản chính);

**21.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Quy trình này áp dụng đối với,cơ quan,tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo danh mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Quy trình này không áp dụng đối với việc cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

**21.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*- Điều 13 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.*

*- Điều 3 Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

*- Quyết định số 562/QĐ-SGTVT ngày 22/9/2017 của Sở Giao thông vận tải về việc Ủy quyền cho Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải kiểm tra xe máy chuyên dùng.*

**21.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 8.2;  - Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng theo mẫu số 6 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện. | Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người | Lâu dài |

**Mẫu số 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

|  |
| --- |
| 1. Tên chủ sở hữu: ……………………………………………………………………………………….  2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: ……………………………….………………………………  3. Ngày cấp:………………………………………………………………………………………………  4. Nơi cấp:……………………………………………………………………………………………….. |

5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: ………………………………………………………………………..

|  |
| --- |
| 6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):…………………………………………………………………..  7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD………………………………………………………………….  8. Ngày cấp……………………………………………………………………………………………….  9.Nơi cấp…………………………………………………………………………………………………. |

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:……………………………………………………………………….

11. Loại xe máy chuyên dùng:…………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| 12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): …………………………...  14. Màu sơn:…………………………………………..  16. Nước sản xuất:..…………………………………...  18. Số động cơ:……………………………………….. | 13. Công suất: ………………......................(kW)  15. Năm sản xuất: ………………………………  17. Số khung:……………………………………  19. Trọng lượng: …………………………...(kg) |

20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):……………………………………………………………

21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải …………………………………………xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………………….., ngày…..tháng…..năm……….* **Người khai** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ)*

*(Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu      □

- Số biển số cũ: (nếu có):………………………….Biển số đề nghị cấp ……………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cán bộ làm thủ tục** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng phòng duyệt** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*\*Ghi chú:*

*- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH ĐỒNG THÁP**  **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  **Số: /DC-XMCD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Đồng Tháp ,ngày.......tháng......năm.......* |

**PHIẾU DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

|  |
| --- |
| 1. Tên chủ sở hữu: ……………………………………………………………………………………….  2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: ……………………………….………………………………  3. Ngày cấp:……………………………………………………………………………………………..  4. Nơi cấp:……………………………………………………………………………………………… |

5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: ………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| 6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):…………………………………………………………………..  7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD………………………………………………………………….  8. Ngày cấp……………………………………………………………………………………………….  9.Nơi cấp…………………………………………………………………………………………………. |

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:……………………………………………………………………….

11. Loại xe máy chuyên dùng:…………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| 12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): …………………………...  14. Màu sơn:…………………………………………..  16. Nước sản xuất:..…………………………………...  18. Số động cơ:……………………………………….. | 13. Công suất: ………………......................(kW)  15. Năm sản xuất: ………………………………  17. Số khung:……………………………………  19. Trọng lượng: …………………………...(kg) |

20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):……………………………………………………………

Biển số đăng ký:………………….đã được Sở Giao thông vận tải cấp…………………………………

ngày ……/ ……./ ………..

Nay di chuyển đến Sở Giao thông vận tải………………………………………………….để làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ phương tiện.

Các loại giấy tờ kèm theo hồ sơ, bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*……, ngày…..tháng…..năm………*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cán bộ làm thủ tục** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng phòng duyệt** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*\* Phiếu này được lập thành 03 bản:*

*- Gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam 01 bản;*

*- Gửi Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đến 01 bản;*

*- Lưu tại Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi 01 bản*